



Thứ sáu, ngày 19 tháng 10 năm 2018

Vietnam Daily Review

Lực đỡ tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/10/2018		•	
Week 22/10-26/10/2018		•	
Tháng 10/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động giảm ở phiên sáng, chỉ số hồi phục ở phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VNM (+0.44 điểm); MSN (+0.29 điểm); HNG (+0.17 điểm); VHC (+0.12 điểm); TCB (+0.11 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm GAS (-1.51 điểm); VJC (-0.77 điểm); NVL (-0.67 điểm); PLX (-0.40 điểm); SAB (-0.40 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu cao su và thủy sản, thanh khoản tăng so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,054.4 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 13.53 điểm. Thị trường có 106 mã tăng và 165 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 5.11 điểm, đóng cửa tại 958.36 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tang 0.18 điểm xuống 108.1 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 212.09 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VNM (43.05 tỷ), NVL (37.54 tỷ) và VIC (34.38 tỷ). Tuy nhiên, họ đã bán ròng 20.44 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index giảm điểm, biến động trong phiên sáng, lực bán xuất hiện ở nhóm cổ phiếu ngân hàng như BID, CTG, VCB, TCB và các cổ phiếu GAS, VIC, SAB, VHM... giảm sâu. Trong phiên chiều, thị trường trong nước theo xu hướng khu vực với sự phục hồi của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Chỉ số khu vực có dấu hiệu hồi phục thông qua chỉ số MSCI quay đầu tăng điểm. Thị trường Trung Quốc quay đầu từ trưa do tuyên bố hỗ trợ thị trường chứng khoán của nhà chức trách nước này. Trên quan điểm của BSC, thị trường biến động vẫn còn mạnh thể hiện qua giá cao nhất và thấp nhất trong ngày cách nhau xa. Ngoài ra, phiên chiều lực bán yếu, lực cầu vào mua đẩy Vn-Index đóng cửa tại giá cao nhất ngày nói chung là khá tích cực, nhà đầu tư cần quan sát thêm một đến hai phiên nữa để xác nhận xu hướng.

Phân tích kỹ thuật:

QNS_ Điều chỉnh ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 958.36

Giá trị: 3054.4 tỷ -5.11 (-0.53%)

Khối ngoại (ròng): 91.58 tỷ

HNX-INDEX 108.10

Giá trị: 472.95 tỷ 0.19 (0.18%)

Khối ngoại (ròng): 3.83 tỷ

UPCOM-INDEX 52.47

Giá trị: 253.02 tỷ -0.24 (-0.46%)

Khối ngoại (ròng): -21.31 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	68.7	0.10%
Giá vàng	1,226	0.05%
Tỷ giá USD/VND	23,345	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,741	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	20,760	-0.17%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	49.4	VNM	43.1
SAB	13.8	NVL	37.5
VHC	10.7	VIC	34.4
SSI	7.0	PVD	31.0
CTD	5.6	VJC	26.8

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Câu chuyện cuối tuần	Trang 3
Danh mục khuyến nghị	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

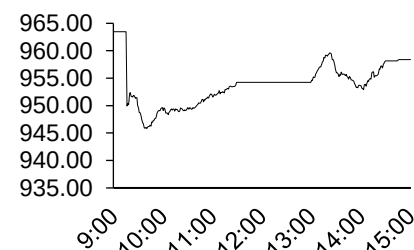
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
HPG	8.8	40.8	39	43	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
VNM	5.9	126.8	122	140	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
STB	4.8	13.5	12	14	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
PVD	4.2	18.7	17	20	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
PVS	4.1	20.8	19	25	NGỪNG BÁN	Giảm giá trong trung hạn
VIC	3.9	99.1	90	104	NGỪNG MUA	Giảm giá trong trung hạn
MSN	3.9	81.0	75	96	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
MBB	3.8	21.0	20	24	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VPB	3.4	23.9	23	27	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
CTG	3.3	24.7	24	28	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài

Lê Quốc Trung

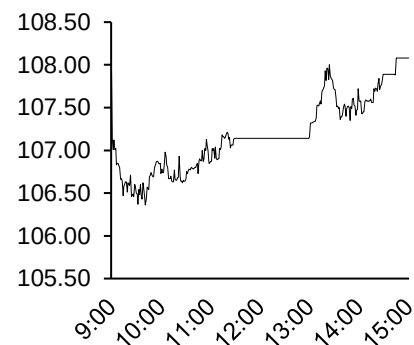
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1810	937.6	-0.8%	-33.0%
VN30F1811	932.2	0.1%	310.8%
VN30F1812	931.5	0.1%	148.3%
VN30F1903	931.2	0.0%	1005.1%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	81	1.0	0.6
VNM	127	0.6	0.5
VPB	24	0.4	0.3
SBT	21	1.2	0.1
GMD	27	0.9	0.1

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	132	-3	-2.1
NVL	70	-3	-1.2
HPG	41	-1	-0.5
FPT	43	-1	-0.5
MWG	125	-1	-0.5

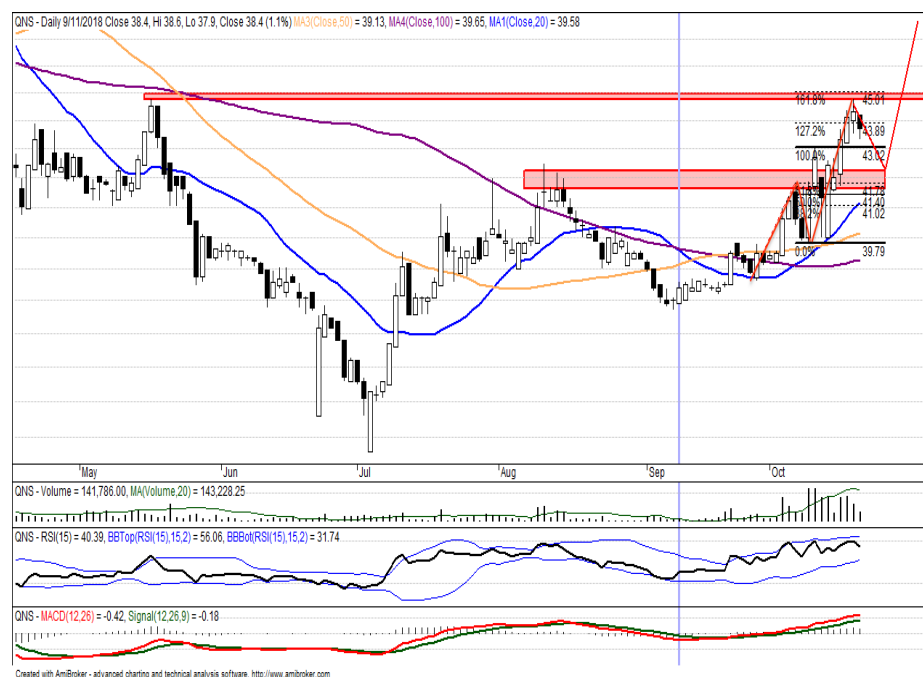
Phân tích kỹ thuật

QNS_ Điều chỉnh ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Duy trì trên mức 0
- Chỉ báo RSI: Tiếp cận Bollinger dưới
- Đường MA: MA 20 và MA 50 nằm trên MA 100

Nhận định: QNS là cổ phiếu thuộc nhóm ngành Mía đường đang trong giai đoạn tăng giá trung hạn, điều chỉnh ngắn hạn. Chỉ báo MACD tăng, chỉ báo RSI tiếp cận Bollinger trên. Giá cổ phiếu tăng, khối lượng giao dịch giảm kết hợp với việc giá cổ phiếu vừa phản ứng tại vùng kháng cự 44.3 cho thấy QNS khả năng cao sẽ có một đợt điều chỉnh tương ứng với sóng số 4 trong chu kỳ sóng Elliott.

Created with Amibroker - advanced charting and technical analysis software. <http://www.amibroker.com>

Câu chuyện cuối tuần

Suy luận

_Nguồn: Sưu tầm

Ba: Tại sao con lại điểm xấu? Con có hiểu câu hỏi của thầy giáo không?

Con: Dạ có ạ! Nhưng thầy giáo lại không hiểu câu trả lời của con.

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	33.80	3.4%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	12.65	0.4%	11.6	14.5
3	HBC	26/9/2018	25.20	24.35	-3.4%	23.2	29.0
4	PTB	10/4/2018	64.00	64.00	0.0%	58.9	73.6
Trung bình					0.1%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	MBB	27/4/2015	13.8	21.00	52.2%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	40.75	60.0%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	61.00	45.6%	39.8	60.0
4	GEX	2/4/2018	29.4	26.80	-8.8%	27.9	40.0
Trung bình					37.2%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	PVT	23/06/2016	11.1	17.6	58.1%	17.0	22.7
2	ACB	2/2/2018	32.4	31.0	-4.3%	30.8	45.0
3	PNJ	21/08/2018	105.0	104.2	-0.8%	95.0	125.0
Trung bình					17.7%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	125.1	-1.1%	0.6	1,756	2.5	8,472	14.8	5.4	49.0%	43.9%	
PNJ	Bán lẻ	104.2	0.2%	0.9	735	2.2	5,110	20.4	5.0	49.0%	33.9%	
BVH	Bảo hiểm	92.0	-0.2%	1.5	2,804	0.3	1,831	50.3	4.2	24.8%	8.5%	
PVI	Bảo hiểm	33.4	-0.3%	0.8	336	0.1	1,985	16.8	1.1	43.9%	7.7%	
VIC	Bất động sản	99.1	0.0%	1.1	13,752	3.9	1,292	76.7	7.0	9.9%	11.2%	
VRE	Bất động sản	37.1	-0.3%	1.1	3,062	2.9	791	46.8	2.7	31.4%	5.7%	
NVL	Bất động sản	70.0	-2.9%	0.8	2,762	2.8	2,534	27.6	4.6	8.1%	18.7%	
REE	Bất động sản	33.8	-1.5%	1.1	456	0.6	5,319	6.4	1.2	49.0%	20.9%	
DXG	Bất động sản	28.7	1.1%	1.5	437	1.8	2,870	10.0	2.3	47.1%	26.2%	
SSI	Chứng khoán	30.2	-0.8%	1.3	654	3.0	2,585	11.7	1.7	56.8%	14.4%	
VCI	Chứng khoán	60.3	-0.5%	1.0	427	0.2	4,289	14.1	3.2	41.1%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	61.0	-1.6%	1.3	344	0.3	6,129	10.0	2.7	61.8%	29.3%	
FPT	Công nghệ	43.0	-1.4%	0.9	1,147	1.7	5,094	8.4	2.2	49.0%	28.6%	
FOX	Công nghệ	52.0	-1.0%	0.4	511	0.0	3,453	15.1	3.9	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	112.0	-2.2%	1.5	9,320	3.2	5,763	19.4	5.0	3.6%	27.2%	
PLX	Dầu khí	62.0	-1.6%	1.5	3,124	1.3	3,254	19.1	3.8	11.0%	18.3%	
PVS	Dầu khí	20.8	1.0%	1.8	404	4.1	1,620	12.8	0.9	20.1%	6.8%	
BSR	Dầu khí	16.9	0.6%	0.8	2,278	1.0	#N/A	N/A	#N/A	N/A	36.4%	23.0%
DHG	Dược	88.1	-2.1%	0.5	501	0.4	4,035	21.8	3.9	49.5%	18.4%	
DPM	Hóa chất	18.0	0.0%	1.0	306	0.6	1,444	12.5	0.9	21.0%	8.0%	
DCM	Hóa chất	10.2	1.0%	0.6	235	0.1	790	12.9	0.8	4.0%	6.6%	
VCB	Ngân hàng	57.7	-0.5%	1.3	9,026	3.0	3,140	18.4	3.5	20.8%	20.5%	
BID	Ngân hàng	34.6	0.0%	1.7	5,143	3.0	2,329	14.9	2.4	2.6%	16.7%	
CTG	Ngân hàng	24.7	-0.6%	1.6	3,999	3.3	2,085	11.8	1.4	30.0%	12.2%	
VPB	Ngân hàng	23.9	0.4%	1.2	2,553	3.4	2,663	9.0	2.1	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	21.0	-0.7%	1.3	1,973	3.8	2,113	9.9	1.5	20.0%	16.3%	
ACB	Ngân hàng	31.0	0.0%	1.2	1,681	2.9	2,887	10.7	2.1	34.1%	21.7%	
BMP	Nhựa	61.7	-1.8%	0.9	220	0.4	5,642	10.9	2.1	77.3%	19.6%	
NTP	Nhựa	45.2	-5.6%	0.4	175	0.0	3,938	11.5	1.9	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	21.4	-4.5%	1.2	837	0.0	229	93.5	1.7	2.6%	1.8%	
HPG	Thép	40.8	-0.6%	0.9	3,763	8.8	4,210	9.7	2.4	39.3%	30.1%	
HSG	Thép	11.4	-2.6%	1.4	190	1.5	1,861	6.1	0.8	19.6%	14.0%	
VNM	Tiêu dùng	126.8	0.6%	0.6	9,601	5.9	5,065	25.0	8.5	59.0%	34.9%	
SAB	Tiêu dùng	220.0	-0.9%	0.8	6,134	0.2	7,082	31.1	9.0	9.8%	31.2%	
MSN	Tiêu dùng	81.0	1.0%	1.1	4,096	3.9	5,370	15.1	5.0	38.1%	32.2%	
SBT	Tiêu dùng	20.5	1.2%	0.8	442	2.2	1,041	19.7	1.7	9.4%	11.3%	
ACV	Vận tải	82.0	-0.1%	0.8	7,762	0.0	1,883	43.5	6.5	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	132.0	-3.3%	1.1	3,108	5.3	9,463	13.9	6.7	24.2%	67.1%	
HVN	Vận tải	35.6	-0.3%	1.7	1,933	0.6	1,727	20.6	2.9	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	27.4	0.9%	0.9	354	1.5	6,218	4.4	1.3	20.4%	30.1%	
PVT	Vận tải	17.6	-0.3%	0.8	215	0.0	2,168	8.1	1.3	34.3%	17.2%	
VCS	Vật liệu xây dựng	74.0	3.5%	1.0	515	2.2	5,620	13.2	4.2	2.6%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	16.8	0.0%	0.9	327	0.9	1,309	12.8	1.2	24.7%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	12.7	0.0%	0.7	210	0.1	1,537	8.2	0.9	4.9%	10.9%	
CTD	Xây dựng	154.5	-1.0%	0.8	526	0.7	20,360	7.6	1.6	44.1%	22.5%	
VCG	Xây dựng	18.9	0.5%	1.4	363	0.5	2,715	7.0	1.3	10.8%	19.2%	
CII	Xây dựng	25.5	-0.2%	0.6	271	0.6	(39)	#N/A	N/A	1.3	54.8%	-0.2%
POW	Điện	14.2	-1.4%	0.6	1,446	1.3	1,026	13.8	1.2	72.0%	9.1%	
NT2	Điện	24.9	-2.0%	0.6	312	0.1	2,874	8.7	2.0	21.4%	19.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	126.80	0.63	0.44	1.09MLN
MSN	81.00	1.00	0.29	1.12MLN
HNG	15.70	4.67	0.17	978840.00
VHC	93.80	4.57	0.12	283210.00
TCB	29.00	0.35	0.11	1.45MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	112.00	-2.18	-1.51	654420.00
VJC	132.00	-3.30	-0.77	924610.00
VHM	74.80	-1.06	-0.68	282610.00
NVL	70.00	-2.91	-0.60	935230.00
PLX	62.00	-1.59	-0.41	480870.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAV	6.29	6.97	0.00	5840.00
FIR	15.40	6.94	0.00	2200.00
SC5	29.35	6.92	0.01	490.00
FDC	16.25	6.91	0.01	20.00
DAT	22.50	6.89	0.02	10.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SKG	17.30	-6.99	-0.02	380150.00
RIC	5.74	-6.97	0.00	80.00
DTT	8.66	-6.88	0.00	1030.00
TIX	35.40	-6.84	-0.02	8010.00
PNC	13.80	-6.76	0.00	220.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	74.00	3.50	0.08	740300.00
NVB	9.80	2.08	0.06	1.54MLN
CEO	13.20	3.94	0.05	558800.00
PVS	20.80	0.97	0.05	4.66MLN
HUT	6.00	3.45	0.04	2.67MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NTP	45.20	-5.64	-0.08	1800.00
DBC	28.00	-2.44	-0.04	31900.00
ART	5.20	-5.45	-0.03	2.23MLN
IVS	12.90	-9.79	-0.03	500.00
HGM	41.20	-9.65	-0.03	200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

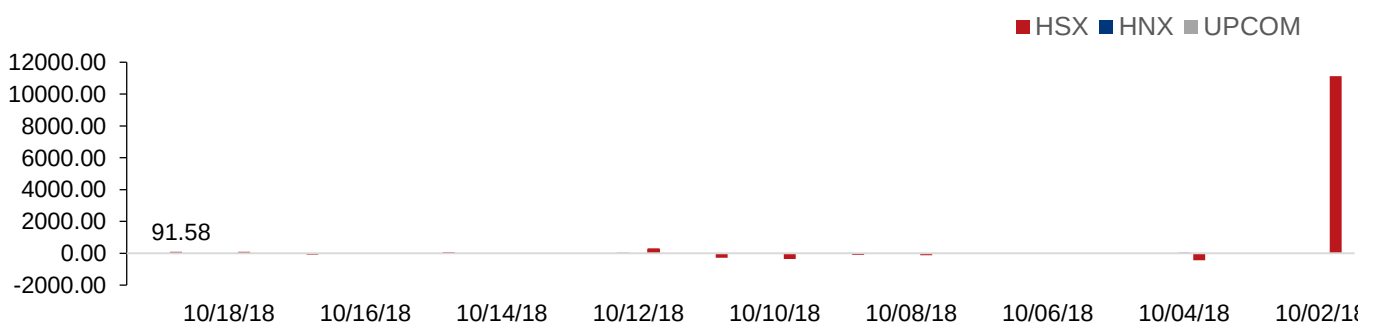
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DIH	14.30	10.00	0.00	500.00
INC	6.60	10.00	0.00	100.00
NHP	1.10	10.00	0.00	29900.00
PVL	2.20	10.00	0.01	384700.00
PJC	36.90	9.82	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSK	0.30	-25.00	0.00	110700.00
ACM	0.80	-11.11	-0.01	81100.00
KTS	18.90	-10.00	-0.01	100.00
VMI	1.80	-10.00	0.00	9000.00
IVS	12.90	-9.79	-0.03	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	15.5	170	91.3	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	24.9	2,874	8.7	2.0	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.9	1,003	13.9	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	27.3	-2,092	#N/A	2.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	31.0	2,887	10.7	2.1	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	43.0	5,570	7.7	1.4	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	16.5	1,035	15.9	1.4	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	17.6	2,168	8.1	1.3	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	40.8	4,210	9.7	2.4	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	28.7	2,870	10.0	2.3	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	17.0	3,200	5.3	1.1	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	36.0	5,765	6.2	2.0	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	43.0	5,094	8.4	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	57.7	3,140	18.4	3.5	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	20.8	1,620	12.8	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	21.0	2,113	9.9	1.5	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	154.5	20,360	7.6	1.6	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.3	-697	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	95.0	18,378	5.2	1.5	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	104.2	5,110	20.4	5.0	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

